

## VĂN HÓA ỨNG XỬ CỦA NGƯỜI DAO ĐỎ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN QUA KHAI KHẨN RUỘNG BẠC THANG Ở SA PA

TRẦN HỮU SƠN,

BÀN KHÁNH THANH

Tháng 6 năm 2009, tạp chí du lịch *Travel and Leisure* (Mỹ) đã bình chọn ruộng bậc thang ở Sa Pa là một trong 7 ruộng bậc thang đẹp nhất thế giới. Chủ nhân của các thửa ruộng bậc thang này là người Dao, người Hmông, người Giáy. Mỗi tộc người có kiểu khai thác ruộng bậc thang khác nhau, phản ánh ứng xử khác nhau với môi trường. Ruộng bậc thang ở Sa Pa của người Dao là kiểu ứng xử với môi trường có địa hình dốc và chia cắt lớn. Thông qua hệ thống khai khẩn ruộng bậc thang, bài viết sẽ đi sâu nghiên cứu các tiểu hệ thống như ứng xử với địa hình, ứng xử với nguồn nước, ứng xử với đất và rừng. Từ nghiên cứu các kiểu ứng xử như vậy, bài viết muốn tìm thấy những nét bản sắc văn hóa Dao.

1. Nghiên cứu về ruộng bậc thang của người Dao đã có một số tác giả Việt Nam và Trung Quốc đề cập trong các công trình nghiên cứu. Trong tác phẩm “*Người Dao ở Việt Nam*” (1971), các tác giả Bé Viết Đăng, Nguyễn Khắc Tụng, Nông Trung, Nguyễn Nam Tiến đã giới thiệu sơ lược về canh tác ruộng bậc thang của người Dao và cho biết, loại ruộng này mới xuất hiện vào thập kỷ 60 thế kỷ 20. Năm 1999 công trình “*Văn hóa truyền thống của người Dao ở Hà Giang*” do Phạm Quang Hoan, Hùng Đình

Quý (Chủ biên) được xuất bản. Đây là công trình đầu tiên giới thiệu sơ lược về quá trình canh tác ruộng bậc thang của người Dao Đỏ và Dao Áo Dài. Tháng 6 năm 2011, Nguyễn Trường Giang đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ với đề tài “*Quá trình khai thác và canh tác ruộng bậc thang của các tộc người Hmông, Dao ở huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai*”. Luận án gồm 6 chương, phân tích quá trình khai khẩn, canh tác và các giá trị của ruộng bậc thang của người Hmông, người Dao. Đây là công trình đầu tiên nghiên cứu công phu về ruộng bậc thang. Ở Trung Quốc, các công trình nghiên cứu về người Dao như “*Lịch sử văn hóa dân tộc Dao*” của Từ Tô Tường (2001), “*Văn hóa và lịch sử Dao Đỏ*” của Túc Vệ Hồng (2008), “*Điều tra lịch sử xã hội của người Dao ở Quảng Tây*” của tập thể các nhà nghiên cứu Dao học Quảng Tây (2009)... chỉ giới thiệu sơ lược về ruộng bậc thang ở các đề mục về kinh tế của người Dao; hoặc các công trình của Ngô Trung Quân (2007), Tôn Cửu Hà (2009) nghiên cứu ruộng bậc thang là tài nguyên du lịch và việc quy hoạch xây dựng các khu ruộng bậc thang thành điểm du lịch cộng đồng.

Văn hóa ứng xử với môi trường của người Dao chỉ mới đề cập ở một số công trình nghiên cứu (Đào Đình Bắc, 2001;

Nguyễn Trường Giang, 2011). Song văn hóa đó được phản ánh qua khai khẩn ruộng bậc thang lại vẫn chưa được các nhà khoa học đề cập nhiều. Trong bài viết này, chúng tôi chọn vùng người Dao Đỏ cư trú ở các xã Bản Khoang, Tả Phìn và Trung Chải của huyện Sa Pa làm điểm nghiên cứu, trong đó có ruộng bậc kỳ vĩ nhất, cao 121 bậc của dòng họ ông Lù Quẩy Vàng ở thôn Vù Lùng Sung, xã Trung Chải.

2. Văn hóa ứng xử với môi trường là mối quan hệ giữa con người với môi trường. Khái niệm văn hóa ứng xử được Trần Ngọc Thêm (1999), Nguyễn Việt Chúc (2002) và Nguyễn Thanh Tuấn (2008) nêu lên tương đối thống nhất. Các tác giả cho rằng *văn hóa ứng xử là cách thức quan hệ, thái độ và hành động của con người đối với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và bản thân con người nhằm tận dụng, ứng phó.*

Môi trường là toàn bộ các điều kiện và hiện tượng, yếu tố bên ngoài bao quanh, ảnh hưởng đến con người. “Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và yếu tố vật chất nhân tạo có quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng tới đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và thiên nhiên” (Nguyễn Thanh Tuấn, 2008, tr. 32-32).

Trong môi trường, các nhà khoa học phân ra các loại hình khác nhau. *Môi trường tự nhiên* bao gồm các yếu tố tự nhiên tồn tại khách quan ngoài ý muốn con người như đất, nước, địa hình, khí hậu... *Môi trường văn hóa xã hội* là tổng thể các mối quan hệ giữa người và người tạo nên thuận lợi hoặc khó khăn cho sự tồn tại, phát triển của các cá nhân và cộng đồng.

Như vậy, văn hóa ứng xử của người Dao Đỏ ở Sa Pa với môi trường (phản ánh qua việc khai khẩn ruộng bậc thang) là toàn bộ ứng xử của người Dao với các yếu tố tự nhiên như địa hình núi dốc, khí hậu, đất và nước...

3. Địa hình Sa Pa ảnh hưởng đến việc khai khẩn ruộng bậc thang có nhiều loại khác nhau. Khu vực Bản Khoang, Tả Phìn, Trung Chải - nơi có nhiều ruộng bậc thang nhất của huyện Sa Pa có độ cao trung bình từ 1.300 đến 1.700m. Địa hình có độ dốc phổ biến > 25°. Nơi đây chịu sự chi phối của kiểu khí hậu á nhiệt đới, một năm có 5 - 7 tháng lạnh, 3 - 4 tháng khô; mùa mưa từ tháng 3 đến tháng 11, cực đại vào tháng 7. Hệ quả là dẫn tới hệ thống thủy văn tương đối dày đặc, sông hồ nhỏ, tiềm năng xâm thực sâu yếu, khả năng bồi tụ cao tạo ra các cảnh quan tích tụ aluvi - có diện tích lớn nhất huyện là Nậm Pung và Phìn Hồ, ngòi Đum và suối Móng Sến, mà hầu hết chạy đứt gãy kiến tạo hướng Đông Bắc - Tây Nam. Đất mùn feralit có độ phì từ thấp đến trung bình, cơ giới nhẹ chỉ thích hợp cho phát triển cây trồng lâm nghiệp, cây lương thực ngắn ngày. Tiểu vùng Tả Chải là lưu vực của các suối Pờ Sì Ngài, Móng Sến, Vù Lùng Sung đổ về ngòi Đum.

4. Từ đặc điểm môi trường như vậy, người Dao đã sáng tạo ra loại hình canh tác ruộng bậc thang. Ruộng bậc thang là sự thích ứng của người Dao với điều kiện môi trường tự nhiên núi cao, độ chia cắt lớn. Tri thức địa phương của người Dao phản ánh đậm nét ở việc khai khẩn ruộng bậc thang.

4.1. Chọn địa điểm khai khẩn ruộng bậc thang là vấn đề quan trọng hàng đầu. Một mảnh nương, một vạt đồi muốn khai phá ruộng bậc thang phải có hai điều kiện,

như có nguồn nước dẫn vào ruộng và địa hình sườn núi không quá dốc. Người Dao có kinh nghiệm chọn địa điểm khai thác ruộng bậc thang ngay từ khi chọn đất làm nương. Đất được chọn tốt nhất là loại đất có màu đen, tối xốp (*lin đâu loóng*). Chọn được đất nương, họ không khai khẩn ruộng bậc thang ngay mà tiến hành làm nương trồng lúa hoặc trồng ngô, khoảng 3 - 4 vụ. Khi đất đã tối xốp nhiều, họ mới chuyển sang làm ruộng bậc thang. Nhưng muốn khai khẩn nương thành ruộng bậc thang cần phải tìm được nguồn nước có khả năng dẫn về ruộng. Kinh nghiệm của người Dao muốn tìm được nguồn nước phải tìm khe núi - nơi hai vạt núi giao nhau tạo thành khe, rãnh. Theo ông Tần Văn Siêu, người khai khẩn ruộng bậc thang giới của thôn Tả Chải, xã Tả Phìn, huyện Sa Pa, ở khe núi nào có nhiều tảng đá to có màu đen, rừng rậm thì nơi đó có nhiều nguồn nước. Mặc dù người Dao lập làng, chọn vùng gần suối làm nhà nhưng họ không bao giờ làm ruộng bậc thang ngay ven bờ suối. Người Dao có câu tục ngữ nói về kinh nghiệm chọn đất làm ruộng bậc thang: “Nước lũ, bờ suối chớ khai ruộng”, “Trồng bông núi cao phòng gió thổi/ Khai ruộng ven suối phòng lũ quét”.

Tuy khu đất khai ruộng bậc thang không nằm kề bên suối nhưng phải thấp hơn nguồn nước có điều kiện dẫn nước về. Thời gian khai khẩn ruộng bậc thang không thống nhất. Có nơi tiến hành khai khẩn ruộng vào thời điểm nông nhàn (sau khi gặt hái xong). Ông Tần Đào Châu ở thôn Tả Van, xã Tả Van cho biết, có thửa ruộng ông khai phá vào tháng Hai, có năm lại khai phá vào tháng Một, tháng Chạp. Nhưng theo các chủ khai ruộng ở xã Trung Chải và xã Tả Phìn thì thời điểm khai phá ruộng bậc thang thuận

lợi nhất là khi có mưa vì đất ẩm, mềm, dễ vỡ đất lại tiện cho việc be bờ.

Khi chọn được địa điểm khai ruộng thuận lợi, người Dao ước tính khu đó làm được bao nhiêu thửa ruộng (đồng bào cắm cọc để ước tính cả khoảng rộng của ruộng, đồng thời làm cột tiêu đắp bờ ruộng). Sau khi cắm cọc tiêu, họ đắp bờ và dọn sạch đám nương chọn làm ruộng. Họ dùng dao phát cán dài (*du ngau*)<sup>1</sup> phát cỏ, chặt cây dại. Sau khi phát cỏ, cây dại xong thì dùng cuốc bướm đào gốc cây nhỏ, vun cỏ. Trường hợp còn gốc cây to hoặc đá, người ta dùng xà beng đánh gốc, bẫy đá, hoặc dùng cuốc chim đào bới cả rễ cây, đào đá. Mảnh ruộng nào có nhiều đá nhỏ thì phụ nữ nhặt vào gùi, rồi đổ ra rìa ruộng. Nếu trên nương có hòn đá quá to, thường họ giữ nguyên. Sau khi san mặt bằng, người ta dùng hai máng tre đựng nước đầy đặt ở giữa ruộng để đo độ phẳng của ruộng. Nếu mặt nước trong máng tre nghiêng bên nào thì dùng bàn chạng, cuốc, xẻng san gạt lại mặt ruộng cho bằng phẳng bên đó.

Bờ ruộng bậc thang đóng vai trò rất quan trọng trong việc giữ nước. Bờ ruộng tuy nhỏ (rộng hơn 1 gang tay) nhưng lại rất chắc chắn. Khi khai phá ruộng, người Dao có kinh nghiệm không vội đào đất để san bằng mặt ruộng ngay mà phải đắp bờ dưới của thửa ruộng cần san đắp. Dựa vào mốc cột tiêu cắm trước, họ dùng cuốc đắp bờ và vừa đắp, vừa dùng chân giẫm để lèn chặt bờ và đắp chân bờ thoải rộng. Đắp xong, lấy cây gỗ nhỏ đập đất, lèn chặt và xắn các vuông cỏ đắp phía trên bờ. Ở Tả Phìn và

<sup>1</sup> Dao phát dài (*du ngau*), là loại dao quắm, lưỡi dao dài 40 cm thẳng, đều nhưng có mũi khoằm. Độ dài của cán dao phụ thuộc vào yêu cầu cụ thể của công việc. Khi chặt cành hay đẵn cây to, cán dao ngắn, nhưng khi dùng phát cỏ, cán dao được làm dài.

Trung Chải, để phòng bờ bị sạt, họ còn đào rãnh sâu từ 20 đến 30 cm để đắp đất cho chắc chắn - đó là kiểu đào móng làm bờ. Như vậy, người Dao có kinh nghiệm cuộc đất ở bên trên, tạo đắp bờ dưới. Lấy bờ dưới làm chuẩn (cùng với hệ thống cọc tiêu) để đắp tiếp các bờ khác và như thế, bờ ruộng được tạo từ trên xuống dưới. Trường hợp thửa ruộng bậc thang quá to hoặc quá rộng, người ta sẽ đắp bờ ngăn đôi ruộng nhằm đảm bảo giữ đủ nước và giữ độ phì của đất. Sau khi làm bờ, mới tiến hành san ủi mặt bằng từng thửa ruộng bậc thang.

4.2. Ứng xử của người Dao với môi trường còn phản ánh đậm nét về tri thức dẫn nguồn nước, phân chia nguồn nước trong việc khai khẩn ruộng bậc thang.

Sau khi tìm được nguồn nước ở khu vực cao hơn ruộng bậc thang, người Dao làm mương dẫn nước về ruộng. Mương là các đường dẫn nước, thường có ba loại: mương chìm (mương đào), mương nổi (mương đắp) và mương nửa chìm nửa nổi (vừa đào vừa đắp). Có thể một hệ thống mương bao gồm cả ba loại, vì để dẫn nước vào ruộng thường phải đi qua các địa hình khác nhau. Người Dao thường đào mương bắt đầu từ các khe nước hoặc dòng chảy trên cao. Để bảo vệ cho mương vững chắc, nhất là những đoạn mương đắp nổi, người ta làm thêm những kè phụ bằng gỗ, tre, đá, đất... để đắp phụ ngoài những đoạn mương nổi. Kè còn được đắp chặn dòng chảy trong lòng mương để nước dâng lên vào ruộng hoặc chảy vào đoạn mương khác khi cần thiết. Khi đào mương dẫn nước có độ dài khoảng 100m phải mở một cửa xả nước để tránh lũ. Mưa to, người ta lấy hòn đá đắp chặn ở cửa xả nước, cho nước tự chảy bớt ra ngoài.

Trong trường hợp địa hình phức tạp không thể đào hoặc đắp mương dài liên tục thì họ làm máng dẫn để thay thế. Máng có thể là những cây mai, vầu bổ đôi, đục bỏ các “mắt” hoặc những tấm ván được ghép với nhau hình chữ U, được đặt trên giá đỡ bằng tre, gỗ hoặc treo qua cây. Chúng có tác dụng nối liền 2 đoạn mương bị tách rời, để dòng chảy được liên tục. Khi phải vượt qua suối, họ dùng thân cây mọc làm máng dẫn nước. Máng bằng cây mọc thường sử dụng được 2 - 3 vụ, còn máng làm bằng vầu chỉ dùng được 1 vụ. Nếu không đào được mương phụ (hoặc không cần thiết phải đào) thì người ta dùng máng để dẫn nước từ mương chính tưới cho thửa ruộng gần nơi mương đi qua. Cũng có thể dùng máng dẫn nước thẳng từ “mỏ nước” để tưới cho ruộng.

Khảo sát lại lịch từng con mương dẫn nước của người Dao ở xã Trung Chải càng thấy rõ quá trình lao động cần cù, sáng tạo của chủ nhân các thửa ruộng bậc thang. Điển hình là thửa ruộng 121 bậc ở làng Vũ Lùng Sung của dòng họ ông Lò Quẩy Vàng, hiện có cả thảy 5 con mương dẫn nước từ 2 con suối Vũ Lùng Sung và Năng Đế Soang vào ruộng ở các độ cao khác nhau. Các con mương ấy được đào bởi nhiều người vào nhiều đợt khác nhau như sau:

- Mương thứ nhất do 3 đôi vợ chồng của anh em cụ Lò Phủ Quẩy (ở chung một nhà) đào vào năm 1927, lấy nước từ suối Năng Đế Soang với tổng chiều dài là 1,5 km. Thời gian đào con mương này hết 6 ngày nhưng số người đi không đủ; trung bình mỗi ngày chỉ có 4 người, tổng cộng là 24 công mới đào xong mương. Nước từ con mương này đổ vào triền ruộng cao nhất của khu ruộng 121 bậc. Nước mương này hiện do 5

chủ ruộng khai thác, bảo vệ là Lò Quây Vàng, Lò Điều Sèo, Lò Điều Siêu, Lò Điều Sài và Lò Điều Vần. Ngoài ra, có 1 chủ ruộng khác làm ruộng gần đó cũng xin được dẫn nước từ con mương này là ông Lò Quây Và. Đoạn trở đường mương chia nước cách khu ruộng 121 bậc khoảng 100m.

- Mương thứ hai do hai anh em các cụ Lò Phủ Ngan và Lò Phủ Thìn (bố của Lò Quây Phù và là bác họ của ông Vàng) được đào vào năm 1971. Ông Ngan trước kia cũng có ruộng ở đây nhưng sau đó đã cho con ông Thìn là Lò Quây Phù canh tác. Nước từ con mương này đổ vào quãng giữa của khu ruộng. Nước mương này hiện do 2 chủ ruộng khai thác, bảo vệ là Lò Điều Phú và Lò Điều Vần.

- Mương thứ ba do ông Vàng đào vào năm 1975. Ông Vàng nhớ hồi đó ông đã đổi công với 3 người đàn ông khác để mở con mương này. 4 người khi đó phải mở trong 4 ngày, tổng cộng là 16 công. Ở quãng giữa con mương này do gặp phải đá rắn, không phá được nên họ bắc ống tre mai dài khoảng 4 mét để dẫn nước chảy qua. Từ đó đến nay cứ mỗi năm đều phải thay ống một lần. Tổng chiều dài của con mương này khoảng 1 km. Con mương này đổ vào triền ruộng dưới con mương thứ hai 30 bậc. Nước mương này hiện do 2 chủ ruộng khai thác, bảo vệ là Lò Điều Chin và Lò Duần Và.

- Mương thứ tư do cụ Lò Phủ Thìn đào vào năm 1981. Khi đó cụ Thìn phải mượn công 2 người đàn ông khác. Ba người phải làm trong 6 ngày, tổng cộng là 18 công mới xong. Tổng chiều dài con mương này khoảng 0,5 km. Nước từ con mương này đổ vào triền ruộng dưới con mương thứ ba 12

bậc. Nước mương này hiện do 1 chủ ruộng khai thác và bảo vệ là Lò Điều Phấu.

- Mương thứ năm do các cụ Lò Chăn Tịnh, Lò Chăn Kiên, Lò Chăn Vần và Lò Chăn Trình đào cách nay khoảng 100 năm. Đến nay, chỉ có hậu duệ của cụ Lò Chăn Tịnh tiếp tục kế thừa việc canh tác trên khu ruộng này. Còn con cháu của các cụ Kiên, Vần và Trình thì đã chuyển đi xã Tòng Sành, số ruộng của họ với 50 bậc dưới cùng (gần suối) bán lại cho ông Lò Quây Kinh. Con mương này dài 0,5 km. Nước mương này hiện do 4 chủ ruộng khai thác, bảo vệ là Lò Điều Chin, Lò Quây Kinh, Lò Duần Kinh và Lò Duần Tá.

Bên cạnh đào mương, việc dẫn thủy nhập điền bằng cách làm biến đổi dòng chảy của những con khe, con suối còn được thực hiện bằng cách dựa thế ỷ dốc. Bất cứ nơi nào có độ nghiêng và có nguồn nước thì người ta đều tạo ra các triền ruộng và dẫn nước chảy theo độ nghiêng này. Điều ấy có nghĩa, nước được thả vào triền ruộng cao nhất rồi từ đó chảy dần xuống các triền ruộng thấp hơn.

Ở những nơi có địa hình phức tạp, nhất là phải đưa nước lên chỗ cao hơn thì người ta sẽ đắp đập. Đây là một kiểu dẫn nước khá công phu. Trên những dòng suối chảy qua những nơi khai thác làm ruộng bậc thang, người ta đắp những con đập chắn ngang dòng suối cho nước dâng cao rồi đào một con mương nhỏ để dẫn nước từ dòng suối này về ruộng. Kiểu dẫn thủy nhập điền này đòi hỏi phải có sự kết hợp sức lao động của nhiều người. Vì thế, các gia đình có ruộng trong cùng một khu vực phải cùng nhau hợp sức cho việc này. Mương dẫn nước được đào bao quanh khu ruộng và các gia

đình chỉ việc bắc máng buong, máng vầu dẫn nước chảy vào ruộng của mình.

Dù cho dẫn nước bằng hình thức nào, cách làm nào thì nguyên tắc cơ bản và chủ yếu nhất trong việc dẫn nước vào ruộng của người Dao vẫn là đưa nước vào bậc thang cao nhất rồi tháo tràn từ ruộng cao xuống ruộng thấp. Từ khi cày bừa đến khi lúa uốn câu, ruộng phải liên tục có nước. Khi lúa vào mẩy, uốn câu, họ tháo sạch nước trong ruộng để cho lúa chín nhanh, ruộng khô, dễ thu hoạch. Khi muốn tiêu nước, họ đắp đất ngăn ở phía đầu mương cho nước không vào ruộng nước; đồng thời tháo nước cho tràn hết khỏi các triền ruộng xuống suối.

Việc chia nước vào ruộng phụ thuộc không chỉ ở yếu tố địa hình, mức độ dồi dào của nguồn nước mà còn ở quy mô số ruộng canh tác và tập quán cũng như cách ứng xử của con người. Người Dao ở Sa Pa có cách chia nước vào ruộng khác nhau ở hai vùng sinh thái điển hình.

Việc chia nước vào ruộng của người Dao ở các xã Trung Chải, Tả Phìn, Bản Khoang (thuộc vùng sinh thái đai núi trung bình) được thực hiện theo 2 cách áp dụng với 2 kiểu ruộng khác nhau. Với những thửa ruộng mới khai phá, họ lấy ống buong làm cửa dẫn nước từ mương vào thửa ruộng cao nhất rồi tháo tràn nước từ thửa ruộng đó xuống các thửa ruộng thấp hơn. Với loại ruộng đã canh tác lâu năm, họ làm cửa lấy nước bằng đất ngay tại bờ ruộng. Để điều tiết nước cho từng thửa ruộng, họ thay đổi độ to nhỏ, cao thấp của cửa lấy nước. Những thửa ruộng có bờ vững chắc, người ta tháo nước qua cửa bằng đất được mở ngay trên bờ ruộng. Ruộng nhỏ mở một cửa, ruộng lớn mở từ 2 đến 3 cửa nước. Các loại cửa lấy

nước được tính toán độ to nhỏ sao cho lượng nước trong ruộng vừa đủ, không để tràn bờ nhưng cũng không để thiếu nước. Các cửa mở ở ruộng cũng mở theo hình dích dắc nhằm tránh vỡ bờ trôi đất.

Người Dao ở các xã Tả Van, Thanh Kim, Bản Phùng, Thanh Phú, Bản Hồ, Nậm Sài, Nậm Cang (thuộc vùng sinh thái đai núi thấp) lại áp dụng hai cách chia nước khác. Một là, điều tiết độ to nhỏ, cao thấp của cửa lấy nước. Hai là, phân chia quay vòng theo thời gian, mỗi hộ được vài ngày để lấy toàn bộ số nước chảy trong mương máng vào ruộng của gia đình mình. Hộ này lấy xong đến hộ khác, cứ thế quay vòng cho đến hết mùa vụ. Với cách chia nước này, đôi khi cũng xảy ra tình trạng tranh chấp giữa các hộ dùng chung một nguồn nước. Gặp trường hợp ấy, trưởng làng là người đứng ra giải quyết bằng cách kiểm tra thực trạng rồi tìm cách hòa giải, điều chỉnh. Những trường hợp vi phạm nhiều lần trưởng làng sẽ phải triệu tập một cuộc họp toàn làng để phán xét.

Đối với nguồn nước mạch, người Dao không sử dụng trực tiếp mà phải dẫn nguồn nước ra ngoài, chảy qua hệ thống mương. Nhiều nơi không xử lý được, người ta phải sử dụng giống lúa địa phương lấy ở khu có nước mạch để thích hợp với điều kiện sinh thái.

Xác định được tầm quan trọng của nước đối với cây lúa nên nước ở ruộng luôn luôn được đặt trong một chế độ hợp lý. Kinh nghiệm dẫn nước và tiêu thoát nước của họ cho thấy nước ở ruộng lúc nào cũng ở mức từ 15 đến 20 cm là tốt nhất. Chỉ khi nào chuẩn bị thu hoạch thì mới tháo cạn nước để mặt ruộng khô cứng lại cho dễ gặt và thuận tiện trong khâu vận chuyển.

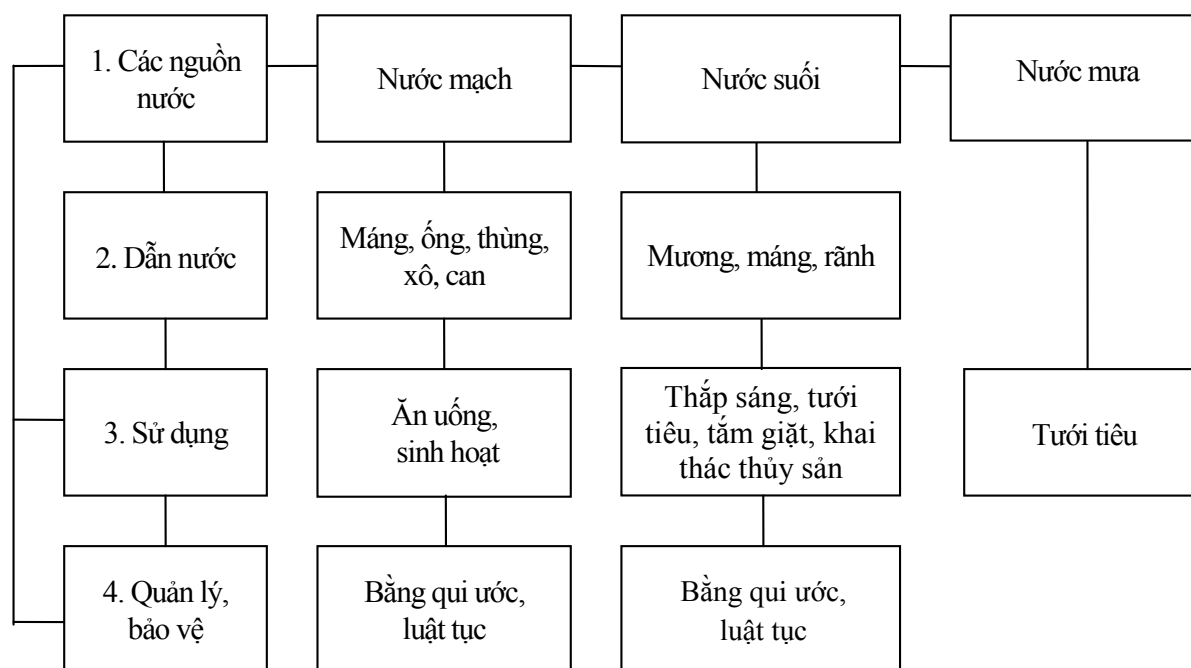
Bên cạnh việc giữ nước, người Dao cũng quan tâm đến việc chống xói mòn đất màu, nhất là ở những nơi có độ dốc lớn như Trung Chải, Bản Khoang. Biện pháp phổ biến là việc tính toán mực nước cần thiết trữ ở ruộng rồi mới đặt đường chia nước cho nước chảy đi. Theo cách làm này, giữa các bờ ruộng ở điểm cao cách mặt ruộng khoảng từ 5 đến 7 cm người ta khoét một lỗ nhỏ và đặt vào đó một ống vầu có đường kính khoảng từ 3 đến 4 cm để thông nước và đặt cao cách mặt ruộng khoảng 3 đốt ngón tay. Điều này có tác dụng tích cực trong việc giữ màu, chống xói mòn cho đất.

Việc chung nhau nguồn nước sản xuất buộc các chủ ruộng phải có một qui ước chung. Tuy qui ước này không được ghi thành văn bản nhưng đều được mọi thành viên thống nhất và tự giác tuân thủ. Trong qui ước ấy, mọi người đều xác định: Ruộng

đầu nguồn được mở cửa lấy nước nhỏ, khi nào đủ nước rồi họ mới đắp lại. Nước chỉ được tháo ra từ ruộng trên xuống ruộng dưới sau khi ruộng trên đã đủ nước. Thực tế cho thấy ở đây chưa bao giờ xảy ra tranh chấp lớn về nước cung cấp cho ruộng. Mọi tranh chấp nhỏ về nước đều được các gia đình trong nhóm cùng nhau dàn xếp.

Việc khai thác và bảo vệ nguồn nước của người Dao ở Sa Pa cho đến nay vẫn được áp dụng theo phương pháp cổ truyền, sự thay đổi có chăng chỉ ở một vài tiểu tiết nhỏ. Chẳng hạn, thay vì việc dẫn nước về nhà bằng máng tre được khoét bỏ mấu đốt xưa kia thì ngày nay người ta sử dụng vòi nhựa dẻo hoặc vòi cao su; việc đựng nước bằng thùng gỗ, ống tre mai được thay thế bằng các thùng, xô, chậu nhựa hay kim loại. Có thể hình dung cách quản lý, bảo vệ nước của người Dao ở Sa Pa qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1. Cách quản lý, bảo vệ nước của người Dao ở Sa Pa



Việc khai thác nguồn nước, làm nương, máng dẫn nước vào ruộng đã trở thành nếp sống của người Dao từ nhiều đời nay. Các qui định, tập tục về bảo vệ nguồn nước đã ra đời, được đưa vào qui ước của làng bắt buộc mọi người phải tuân thủ. Trong qui ước của làng Vũ Lùng Sung được trưởng làng phổ biến trong cuộc họp tổng kết vào ngày 2 tháng 2 (âm lịch), hoặc ngày Thìn đầu tháng 5, nhắc nhở những việc cần làm trong năm tới có nói rõ: tuyệt đối không được chặt phá rừng bừa bãi, không được phát nương làm rẫy. Nếu ai có khả năng khai phá ruộng bậc thang thì phải báo trước với trưởng thôn. Với nguồn nước, tuyệt đối cấm chăn thả gia súc, không được đào ruộng hay trồng bất cứ loại cây gì tại các con nương, mỏ nước hay đầu nguồn nước. Ai vi phạm sẽ phải dọn trả lại hiện trạng như cũ.

Trong đời sống hàng ngày, người Dao ở Sa Pa cũng có một số kiêng kỵ liên quan đến nguồn nước. Các gia đình không bao giờ đặt bàn thờ song song với hướng nước chảy. Vì vậy, đồng bào kiêng khơi rãnh thoát nước chạy song song phía sau ngôi nhà. Phụ nữ có kinh nguyệt không được đến gần nguồn nước sạch. Người đã được cấp sắc không được chui qua máng...

4.3. Văn hóa ứng xử của người Dao Đỏ với môi trường tự nhiên còn phản ánh cả trong tri thức bảo vệ rừng đầu nguồn nước phục vụ cho việc khai khẩn ruộng bậc thang.

Người Dao ở Sa Pa luôn coi trọng việc giữ lại các khoảnh rừng ở những đỉnh núi cao, những triền núi dốc. Một mặt, đó là

những nơi khó có điều kiện canh tác ruộng bậc thang. Nhưng mặt khác, đó lại cũng là những nơi phát tích những mạch nguồn cung cấp nước cho các dòng chảy. Ở làng Vũ Lùng Sung, người Dao cho đến nay vẫn bảo tồn gần như nguyên vẹn 3 cánh rừng phía cuối thôn:

- Cánh rừng thứ nhất, nằm về phía Nam của làng có tên gọi theo tiếng Quan hóa là Đào Mào Kỳ (núi con hổ).

- Cánh rừng thứ hai, nằm về phía Đông của làng có tên gọi theo tiếng Quan hóa là Phan Quây Kỳ (núi người Tây) do trước đây lính Pháp đóng đồn trên đó.

- Cánh rừng thứ ba, nằm về phía Tây của làng có tên gọi là Tạ Lậy Kỳ (núi Tạ Lậy) do trước đây có người tên là Tạ Lậy làm nương trên đó nên người ta đã lấy tên ông này đặt cho ngọn núi ấy. Ngày nay, không còn ai làm nương ở đó nữa. Rừng đã phục hồi nên cánh rừng này cũng lấy luôn tên ấy làm tên gọi.

Các cánh rừng ở đây kết hợp với cánh rừng phía Nam làng Pờ Si Ngài (nằm về phía Bắc của làng Vũ Lùng Sung) tạo thành một vành đai giữ nước bao bọc lấy làng Vũ Lùng Sung. Các cánh rừng này có đặc điểm chung là phía trên đỉnh núi do có nhiều vách đá dựng đứng, không thể khai phá để trồng trọt nên vẫn là rừng nguyên sinh. Phía dưới là những diện tích đất trước đây đã dùng để làm nương nay được khoanh nuôi bảo vệ rừng tái sinh nên hầu hết đã phục hồi rừng, cây đã khép tán. Gần phía khu dân cư là một vành đai savan gồm những cây nhỏ và cây bụi.

Trong hệ thống luật tục của người Dao Đỏ ở Sa Pa, các quy định về bảo vệ rất cụ thể và chặt chẽ. Mỗi làng người Dao có ba loại rừng cần bảo vệ nghiêm ngặt là rừng thiêng (*puông kiem*), rừng đầu nguồn nước (*wôm nhuần kiem*), và rừng già của cộng đồng (*kiem cố*). Các làng người Dao đã sử dụng hương ước, đặt ra các quy định cấm khai thác, phá rừng đầu nguồn; sử dụng tín ngưỡng và luật tục nhằm tạo cơ chế thiêng hóa bảo vệ các rừng chung của cộng đồng. Hàng năm vào ngày đầu xuân hoặc sau khi cấy xong, các làng tổ chức họp để bàn bạc quy ước bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước. Quy ước của thôn Móng Sến 1, xã Trung Chải quy định rõ không ai được chặt cây, đốt lửa, không thả gia súc, không làm nương, không được làm đường, không được khai thác lâm, thổ sản trong khu rừng đầu nguồn... Ai vi phạm sẽ bị xử phạt theo hình thức phạt vạ. Vi phạm nhỏ sẽ mổ lợn cúng thần rừng, mời cả cộng đồng ăn uống. Nếu vi phạm nặng phải mổ trâu cúng rừng... Đồng thời, mỗi làng, hàng năm cử ra 2 người chuyên trách lo việc bảo vệ và cúng rừng thiêng, rừng đầu nguồn. Như vậy, cơ chế bảo vệ rừng của người Dao gồm việc thiêng hóa khu rừng thiêng, có chế tài xử phạt nghiêm, có sức ép của dư luận cộng đồng lên án người vi phạm, có lực lượng bảo vệ của mỗi thôn làng. Nhờ vậy, hiện nay nhiều khu rừng đầu nguồn của người Dao Đỏ ở Sa Pa vẫn được bảo vệ, như: khu rừng đầu suối Ngòi Đum ở thôn Móng Sến 1, xã Trung Chải rộng 5 ha; rừng đầu nguồn thôn Tả Chải, xã Tả Phìn rộng 3 ha... Các khu rừng này góp phần bảo vệ nguồn nước cho hệ thống các ruộng bậc thang.

5. Khai khẩn ruộng bậc thang của người Dao Đỏ ở huyện Sa Pa đã phản ánh đặc điểm văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên của họ.

Người Dao Đỏ ứng xử với môi trường tự nhiên, phản ánh qua việc khai khẩn ruộng bậc thang là kiểu ứng xử “mềm”, chủ yếu là *nuông nhờ* và *thích ứng* với điều kiện thiên nhiên, không đối chọi với thiên nhiên. Tuy người Dao tiến hành xẻ núi làm ruộng bậc thang nhưng đều lựa chọn địa điểm có nguồn nước thuận lợi, sườn đồi không quá dốc. Đặc biệt, người Dao không bao giờ phá rừng làm ngay ruộng bậc thang mà thường chuyển hóa đất canh tác một cách từ từ. Đầu tiên làm nương rẫy, ba bốn vụ sau mới khai ruộng bậc thang. *Thế ứng xử hài hòa với thiên nhiên* còn phản ánh đậm nét ở việc bảo vệ nguồn nước, cách dẫn nước, rất ít khi chắn ngang dòng nước mà chủ yếu lợi dụng độ dốc để làm nương dẫn nước. Mặt khác, tùy theo từng loại địa hình có cách khai khẩn khác nhau, dẫn và tiêu nước khác nhau. Việc tôn trọng tự nhiên và thích ứng với môi trường luôn được người Dao vận dụng vào cả quá trình khai ruộng.

Văn hóa ứng xử của người Dao với môi trường tự nhiên là ứng xử hệ thống. Người Dao nhận thức rõ muốn khai khẩn, sử dụng ruộng bậc thang phải có nguồn nước, phải bảo vệ được rừng đầu nguồn, phải có phương thức chống xói mòn hợp lý... Vì thế, họ vừa khai ruộng, vừa xây dựng hệ thống dẫn và tiêu nước, vừa bảo vệ rừng đầu nguồn; đồng thời cách ứng xử cũng được thể chế hóa thành luật tục, hương ước và chế tài xử phạt người vi phạm...

Hiện nay, với tình trạng khan hiếm nguồn nước (do làm thủy điện, do các cư dân ở vùng đầu nguồn khai thác nguồn nước trồng hoa, do phá rừng,...) dẫn đến tình trạng nguồn nước có nguy cơ cạn kiệt. Vì vậy, muốn khai khẩn, sử dụng được ruộng bậc thang, đòi hỏi phải có chính sách điều tiết nguồn nước, bảo vệ môi trường giữa các cộng đồng một cách hài hòa, bền vững.

### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Viết Chức (2002), *Văn hóa ứng xử của người Hà Nội với môi trường thiên nhiên*, Viện Văn hóa và Nxb Văn hóa - thông tin, Hà Nội.
2. Lê Trọng Cúc, A. Terry Rambo (1990), *Hệ sinh thái nông nghiệp trung du Miền Bắc Việt Nam*, Trung tâm Đông Tây.
3. Bé Viết Đăng, Nguyễn Khắc Tụng, Nông Trung, Nguyễn Nam Tiến (1971), *Người Dao ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Trường Giang (2011), *Quá trình khai thác và canh tác ruộng bậc thang của các tộc người Hmông, Dao ở huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai*, Luận án Tiến sĩ Sử học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Trần Hồng Hạnh (2005), “Tri thức địa phương - sự tiếp cận lý thuyết”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 22-33.
6. Phạm Quang Hoan - Hùng Đình Quý (Chủ biên) (1999), *Văn hóa truyền thống của người Dao ở Hà Giang*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
7. Túc Vệ Hồng (2008), *Văn hóa và lịch sử Dao Đỏ*, Nxb Văn hóa dân tộc, Bắc Kinh (Trung Quốc).
8. Trần Hữu Sơn (1999), *Tục ngữ, câu đố dân tộc Dao*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
9. Nguyễn Thanh Tuấn (2008), *Văn hóa ứng xử Việt Nam hiện nay*, Nxb Từ điển Bách khoa và Viện Văn hóa, Hà Nội.



Lễ đón cô dâu của người Dao Đỏ (huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai)

Ảnh: Sùng Páo Thanh